TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Quận Thốt Nốt	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TP.Cần Thơ	

Bản án số: 43/2021/DS - ST
Ngày 31/5/2021
V/v : *"Tranh chấp quyền về lối đi qua và tranh chấp ranh giới đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT
Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* **Ông Phan Việt Thắng.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà **Trần Thúy Kiến**;
2. Bà **Thái Ánh Trinh**;

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa* : Ông **Huỳnh Trung Hiếu** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Ly** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2017/TLST – DS, ngày 13 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp quyền về lối đi và ranh giới đất. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 833/2020/QĐXXST – DS, ngày 23 tháng 11 năm 2020 và thông báo mở lại phiên tòa số 161/TB **–** TA, ngày 26.02.2021 và thông báo mở lại phiên tòa số 486/2021/TB – TA, ngày 14.5.2021. Giữa các đương sư:

Nguyên đơn:

Ông **Nguyễn Văn Đ** – sinh năm: 1953.
Địa chỉ: Kv Long Châu, P. Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.
Có đại diện ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Phương T** – sinh năm: 1988 (có mặt)
Địa chỉ: Khu vực Long Châu, P. Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn:

1/ Bà **Nguyễn Thị Y** – sinh năm: 1964. (có mặt)
2/ Ông **Nguyễn Văn T** – sinh năm: 1950.
3/ Bà **Nguyễn Thị N** – sinh năm: 1960.
4/ Bà **Nguyễn Thị Hồng H** – sinh năm: 1981

Cùng địa chỉ: Kv Long Châu, P. Tân Lộc, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

Có đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Thanh B** – sinh năm: 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Kv Long Châu, P. Tân Lộc, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Nguyễn Thị Thúy Ph** – sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Ấp An Hòa, xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà **Nguyễn Thị M** – sinh năm: 1979;

3/ Bà **Nguyễn Thị K** – sinh năm: 1956;

4/ Bà **Nguyễn Thị Phương Th** – sinh năm 1988;

5/ Ông **Nguyễn Văn Ph** – sinh năm: 1984; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Kv Long Châu, P. Tân Lộc, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

*Bà Phượng, bà Muội, bà Kia ủy quyền cho bà Th tham gia tố tụng tại Tòa án.(*có mặt)

6/ Bà **Nguyễn Thị N** – sinh năm: 1956;

7/ Bà **Phạm Thị Đ** – sinh năm: 1928;

8/ Bà **Nguyễn Thị Th** - sinh năm: 1953;

9/ Ông **Nguyễn Thanh B** – sinh năm: 1979;

Cùng địa chỉ: Kv Long Châu, Phương Tân Lộc, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

Bà Năm, bà Đặng, bà Thố ủy quyền cho ông Bình tham gia tố tụng tại Tòa án. (có mặt)

NHẬN THẤY

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2017, tại bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Th trình bày: Trước đây ông Nguyễn Văn Đ được nhà nước cấp diện tích đất 308m^2 (300m^2 đất thổ, 8m^2 đất CLN) thuộc thửa đất 1271, tờ bản đồ số 01, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000053, được Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt (huyện Thốt Nốt cũ) cấp ngày 07/7/1997, đất tọa lạc tại khu vực Long Châu, P. Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, liền kề là thửa đất 1270, tờ bản đồ số 01 của hộ bà Nguyễn Thị Y có diện tích 459m^2 (300m^2 đất thổ và 159m^2 đất CLN), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000292 được Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt (huyện Thốt Nốt cũ) cấp ngày 05/3/1999 và thửa đất 1269 do bà Nguyễn Thị N đứng tên trên sổ mục kê có diện tích 438m^2, loại đất thổ, đất tọa lạc tại khu vực Long Châu, P. Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Do đất của nguyên đơn nằm phía sau cặp Sông Hậu nên giữa các hộ đã có lối đi chung từ mặt lộ giao thông thẳng xuống sông có kích thước ngang khoảng 4m và dài khoảng 24m, đi ngang thửa 1269 và thửa 1270. Tuy nhiên quá trình sử dụng đất hộ bà Yêm, bà Niêm lấn qua phần đất có lối đi chung, hiện chỉ còn khoảng 1m và các thành viên trong hộ gia đình thường xuyên gây khó khăn, cản trở việc đi lại cho gia đình phía nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm khôi phục lại phần đất có lối đi chung như hiện trạng ban đầu về hình thể và kích thước được thể

hiện tại bản trích đo địa chính số 135/TTKTTNMT của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên – Môi trường thành phố Cần Thơ đo vẽ ngày 24/12/2019 (ký hiệu điểm A trên bản trích đo).

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị N , bà Phạm Thị Đ , bà Nguyễn Thị Th , ông Nguyễn Thanh B có ông Nguyễn Thanh B trình bày: qua yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý do trước đây Phường Tân Lộc (xã Tân Lộc củ) chưa có điện và nước sinh hoạt như ngày nay nên nhà nào cũng chừa lối đi xuống sông để gánh nước từ sông lên sinh hoạt, nên dần dần đã tồn tại lối đi này và hiện nguyên đơn cùng với 05 hộ có đất cặp sông Hậu vẫn sử dụng lối đi này để đi ra lộ, lỗi đi này liền kề với thửa đất của ông Phạm Văn B , ông Phạm Văn S và nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, hiện tại giữa gia đình bị đơn và nguyên đơn đã có mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên xảy ra cải vả nếu chừa một lối đi cho nguyên đơn đi qua phần đất của bị đơn sẽ không tốt về lâu dài, nay qua yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn bị đơn không đồng ý chừa lối đi chung.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn bị đơn cho rằng nguyên đơn sử dụng đất lấn sang thửa đất 1270 hiện do bà Nguyễn Thị Y đại diện hộ đứng tên và yêu cầu nguyên đơn trả lại phần diện tích lấn chiếm là 177,3m^2 (93,9m^2 đất thổ và 83,4m^2 đất CLN trong đó có 16,5m^2 đất CLN là lối đi), được thể hiện tại bản trích đo địa chính số 135/TTKTTNMT, ngày 24/12/2019 của Trung tâm Kỷ thuật Tài nguyên – Môi trường thành phố Cần Thơ đo vẽ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ph : thống nhất với lời trình bày cũng như yêu cầu của đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Th.

* Tại phiên tòa hôm nay;

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn dành một lối đi chung cho gia đình của nguyên đơn và bị đơn cùng sử dụng chung để có lối đi vào nhà và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không yêu cầu lối đi có ký hiệu A được ghi nhận tại bản trích đo mà yêu cầu một lối đi khác bắt đầu từ điểm có ký hiệu B1 hướng thẳng ra lộ giao thông cặp nhà bà Nguyễn Thị Hồng H và xác định phần đất có kích thướt ngang trước là 4,02m; 3,24m (*một phần tiếp giáp lối đi và nhà sau của bà Hạnh*); ngang sau là 8,21m (*giáp thửa 1271 của ông Đ*); chiều dài cạnh 8,33m (*giáp thửa 1272*) và chiều dài cạnh 8,04m (*giáp lối đi*) có tổng diện tích 63,1m^2 loại đất CLN, hiện do bị đơn đang sử dụng và đồng ý giao phần diện tích đất này cho bị đơn.

- Đại diện bị đơn không thống nhất chỉ đồng ý dành lối đi chung cho gia đình nguyên đơn và bị đơn sử dụng phần lối đi chung đã sử dụng từ trước cho đến nay vị trí được thể hiện tại các điểm có ký hiệu B và B^1. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố đề nghị công nhận phần diền tích đất tranh chấp tại điểm có ký hiệu E 177,3m^2 thuộc quyền sử dụng của bị đơn và những người liên quan bà N , bà Đ , bà Th .

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu dành một lối đi chung cho gia đình của nguyên đơn và bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng sử dụng.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của phía bị đơn do không có cơ sở.

- Đồng thời đề nghị hội đồng xét xử tính án phí và chi phí tố tụng cho đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn dành một lối đi chung qua đất của bị đơn để có lối đi vào nhà, bị đơn không đồng ý, ngoài ra bị đơn có yêu cầu phản tố di dời các tài sản trên đất và trả lại phần diện tích đất lấn chiếm là 177,3m^2 (loại đất ODT và CLN); nguyên đơn không đồng ý, nên các bên đã phát sinh tranh chấp. Xét đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về quyền đối với bất động sản liền kề và tranh chấp ranh giới đất" và yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại các điều 26, điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ ông được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1271 liền kề là thửa đất 1270 của bà Nguyễn Thị Y và thửa này tiếp giáp thửa 1269 hiện do bà Nguyễn N đứng tên trên sổ mục kê chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc đất là của ông bà để lại và được chia sử dụng, do phần đất ông Đ được chia nằm cặp Sông Hậu nên từ xưa ông bà đã tạo một lối đi chung từ mặt lộ giao thông để đi vào nhà của ông Đ nằm phía sau, thời gian gần đây anh, em không thuận thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cải vả với nhau nên phía bị đơn gây khó khăn cho việc lưu thông đối với nguyên đơn nên các bên đã phát sinh tranh chấp. Còn phía bị đơn cũng thừa nhận giữa các bên là anh, em ruột với nhau và lối đi chung này đã có từ trước để ông Đ sử dụng đi vào nhà, tuy nhiên thời gian gần đây nguyên đơn thường hay kiếm chuyện, anh em lời qua tiếng lại nói nhiều lời lẽ thô tục, thái độ không tôn trọng khi sử dụng lối đi qua đất của bị đơn, gây rất nhiều bức xúc cho gia đình bị đơn, nên qua yêu cầu của nguyên đơn bị đơn không đồng ý, tuy nhiên tại phiên Tòa hôm nay bị đơn đồng ý cho gia đình nguyên đơn cùng sử dụng chung lối đi như từ trước cho đến nay, nhưng không đồng ý cho nguyên đơn sử dụng phần lối đi như yêu cầu của phía nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy, các bên đương sự cũng đều là anh em trong gia đình lối đi này cũng đã có từ trước do ông bà đã tạo ra để có lối đi cho các anh em có nhà nằm ở phía sau, theo quy định tại điều 254 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "*Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà*

không có hoặc không đủ đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ". Vì vậy nguyên đơn yêu cầu có lối đi vào nhà là có cơ sở xem xét, nhưng không thể tạo lối đi theo yêu cầu của nguyên đơn tại điểm có ký hiệu A, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn có yêu cầu một lối đi khác do ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn (phải đập tường rào hoặc phải di dời nhà). Vì vậy nghĩ nên giữ nguyên hiện trạng lối đi chung như từ trước cho các bên đương sự sử dụng chung là phù hợp. Nguyên đơn xác định phần diện tích đất 63,1m^2 loại đất CLN thực tế do bị đơn quản lý sử dụng và đồng ý giao cho bị đơn phần diện tích đất này, do đó nghĩ nên công nhận.

[2.1] Xét yêu cầu phản tố của phía bị đơn: yêu cầu nguyên đơn có trách nhiệm trả lại phần diện tích đất 177,3m^2 được thể hiện tại bản trích đo địa chính, căn cứ bị đơn đưa ra là thửa đất 1269 do bà Nguyễn Thị N đứng tên trên sổ mục kê có diện tích 438m^2 loại đất thổ và thửa 1270 do bà Nguyễn Thị Y đại diện hộ đứng tên có diện tích 459m^2 (*300m^2 đất thổ và 159m^2 đất CLN*) tổng diện tích hai thửa là 897m^2 so với bản trích đo địa chính qua đo đạc thực tế có tổng diện tích là 564,1m^2 (*đã trừ phần diện tích 87,5m^2 nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn B , ký hiệu điểm C tại bản trích đo địa chính*), thiếu 332,9m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp và diện tích đất đã kê khai sử dụng, bị đơn còn cho rằng diện tích thể hiện tại bản trích đo ký hiệu D không phải là đất bãi bồi mà thuộc thửa đất 1271 của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy, về hình thể các thửa đất 1269, 1270, 1271 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Y thể hiện tại các cạnh đều là một đường thẳng liền nhau không gấp khúc, các đương sự đều khai đất có nguồn gốc của ông bà để lại, phần đất nguyên đơn, bị đơn hiện đang sử dụng cũng được ông bà cho để cất nhà ở cho đến nay và quá trình sử dụng trên 20 năm các bên không phát sinh tranh chấp. Bị đơn cũng thừa nhận quá trình sử dụng có nhận chuyển nhượng một phần đất của ông Nguyễn Văn B nhìn vào sơ họa của bản trích đo địa chính nếu không tích phần diện tích này và phần diện tích ký hiệu D thì hoàn toàn phù hợp với hình thể mà các đương sự đã kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên nhận thấy chưa đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn mà chỉ chấp nhận theo như hiện trạng ranh đất thực tế các bên đương sự đang sử dụng. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn cho rằng điểm có ký hiệu D không thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn, của ai thì nguyên đơn không biết, bị đơn thì cho rằng diện tích đất này không phải của bị đơn mà thuộc thửa 1271 của nguyên đơn, như đã phân tích trên điểm D nằm ngoài hình thể các thửa đất 1271, 1270,1269 nên chưa đủ có sở xác định phần đất này thuộc thửa 1271. Do đó nghĩ nên tách phần diện tích đất này ra để giải quyết thành một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Từ những nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy chỉ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn do không có cơ sở.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản: Theo yêu cầu của các đương sự, Tòa án đã tiến hành thành lập Hội đồng xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản 03 lần với tổng chi phí 16.706.000đồng, phía nguyên đơn đã tạm nộp

trước 10.200.000đồng và bị đơn đã tạm nộp 6.506.000đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ được chấp nhận một phần và yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận nên các đương sự phải có trách nhiệm chịu chi phí này được quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về án phí sơ thẩm dân sự: nguyên đơn được chấp nhận một phần và yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Xét trường hợp này, nguyên đơn chỉ tranh chấp yêu cầu quyền về lối đi và bị đơn yêu cầu ai là người có quyền sử dụng đất nên căn cứ theo quy định nguyên đơn, bị đơn phải chịu mức án phí không giá ngạch là phù hợp.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điều 6, 21, 26, 35, 39, 91, 147, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 164, 165, 166, 245, 246, 248 và điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 166, 170, 202, 203 Luật đất đai 2013;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu nộp,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.
- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của phía bị đơn.

1. Giữ nguyên hiện trạng lối đi chung mà các đương sự đã sử dụng, các đương sự không được rào chắn, cản trở, gây khó khăn cho việc sử dụng lối đi chung qua các thửa đất 1269, 1270, 1271. Về hình thể kích thước lối đi được thể hiện tại bản trích đo địa chính số 135/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 24/12/2019, ký hiệu điểm B, B^1.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N , bà Nguyễn Thị Đ , bà Nguyễn Thị Th , ông Nguyễn Thanh B trả lại phần diện tích đất lấn chiếm 177,3m^2 loại đất ODT, CLN.

Xác định ranh đất giữa thửa 1271 do ông Nguyễn Văn Đ đại diện hộ đứng tên và thửa 1270 do bà Nguyễn Thị Y đại diện hộ đứng tên, thửa 1269 do bà Nguyễn Thị N đứng tên trên sổ mục kê theo như hiện trạng ranh đất thực tế các bên đang sử dụng. Phần đất có kích thước ngang trước là 4,02m; 3,24m (*tiếp giáp một phần lối đi và nhà sau của bà H*) và ngang sau là 8,21m (*giáp thửa 1271 của ông Đ*); chiều dài

cạnh 8,33m (*giáp thửa 1272*) và chiều dài cạnh 8,04m (*giáp lối đi*) có tổng diện tích 63,1m^2 loại đất CLN, thuộc quyền quản lý và sử dụng của bị đơn.

Vị trí, kích thước các cạnh và diện tích đất nói trên được xác định căn cứ theo Bản trích đo địa chính số 135/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 24/12/2019.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại hình thể và diện tích đất theo như hiện trạng thực tế sử dụng và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần đất được quyền sử dụng nêu trên theo quy định. Trường hợp đương sự không tự nguyện thực hiện, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục điều chỉnh lại diện tích các thửa đất thửa 1271, 1270, 1269 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự đối với diện tích đất theo hiện trạng thực tế sử dụng theo quy định của Luật đất đai.

Đối với phần diện tích đất ký hiệu D thể hiện tại bản trích đo số 135 tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

2. *Về chi phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản:* nguyên đơn phải nộp 10.200.000đồng và bị đơn phải nộp 6.506.000đồng. (*công nhận các đương sự đã nộp xong*).

Về án phí sơ thẩm dân sự: nguyên đơn phải nộp 300.000đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo phiếu thu số 003506, ngày 01/11/2017. Bị đơn phải nộp 300.000đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 395.000đồng theo phiếu thu số 004649, ngày 09/4/2019, bị đơn được nhận lại 95.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt. (*công nhận các đương sự đã nộp xong*).

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.Cần Thơ;
- VKSND quận;
- Chi cục THA quận;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Việt Thắng

Thành viên Hội đồng xét xử **Chủ tọa phiên tòa**